

Bản án số: 16/2019/HS-PT

Ngày: 23-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn.

Các thẩm phán: Ông Đinh Quang Nghĩa.
Bà Phạm Thị Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Bà Võ Ngọc Khánh Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 286/2018/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo Lê Văn T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Lê Văn T và Trần Hoàng P đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 123/2018/HS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn T (T Mát), sinh ngày 20 tháng 01 năm 1998 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp T, xã X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N, sinh năm 1957 và bà Võ Thị Thu N1, sinh năm 1960; Tiền án: không;

- Tiền sự: 02 (Tại quyết định số 22/QĐ-XPVPHC ngày 29 tháng 7 năm 2016, Công an thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; Tại quyết định số 37/QĐ-XPVPHC ngày 08 tháng 02 năm 2017, Công an huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy);

- Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 63/2018/HSST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 15/11/2017 (bản án đã có hiệu lực pháp luật để thi hành). Tại bản án hình sự phúc thẩm số 192/2018/HSPT ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội “Tội trộm cắp tài sản” và 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tổng hợp hình phạt buộc Lê Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/11/2017 (bản án đã có hiệu lực pháp luật để thi hành).

- Bị cáo bị bắt tạm giam trong vụ án khác. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Hoàng P, sinh năm 1984 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp N, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn K, sinh năm 1954 (chết) và bà Lê Thị C, sinh năm 1956; Vợ: Lê Thị Thu H, sinh năm 1988; có 02 người con sinh năm 2009 và sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không;

- Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 08 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bản án đã có hiệu lực pháp luật để thi hành). Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/10/2018. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Ngoài ra còn có các bị cáo khác, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian từ ngày 22 tháng 7 năm 2015 đến ngày 24 tháng 02 năm 2017, Lê Văn T, Võ Đức D, Nguyễn Tấn H1, Trần Hoàng P và Đàm Công T1 đã thực hiện các hành vi trộm cắp và tiêu thụ tài sản trên địa bàn huyện X, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Vào khoảng 02 giờ ngày 22 tháng 7 năm 2015, Lê Văn T đi bộ trên đường song hành tại khu vực ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai để tìm nhà

dân nào sơ hở thì đột nhập trộm cắp tài sản. Khi đi đến trước Ủy ban nhân dân xã S, Lê Văn T nhìn thấy cổng mở và không có bảo vệ trông coi nên đã vào trong tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến phòng làm việc của Công an xã S, Lê Văn T nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, biển số 60B4-xxxx của anh Mè Văn T1 là Công an viên xã S đang dựng trong phòng, chìa khóa xe đang để trên bàn cạnh bên. Lê Văn T liền lấy chìa khóa, mở ổ khóa điện, dẫn xe mô tô 60B4-xxxx ra ngoài cổng rồi điều khiển xe chạy về huyện T1, tỉnh Đồng Nai bán cho một người thanh niên có tên thường gọi C được số tiền 3.500.000 đồng, số tiền này Lê Văn T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Xuân Lộc kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, biển số 60B4-xxxx có trị giá là 9.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Vào khoảng 22 giờ ngày 11 tháng 12 năm 2015, Lê Văn T và Trần Hoàng P đang phụ bán bún tại quán P, thuộc ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai thì Trần Hoàng P nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Fi, màu đỏ đen bạc, biển số 60B6-165.xx của chị Nguyễn Thị T2 đang dựng trước quán cơm 999 bên cạnh nên chỉ tay về hướng xe mô tô và nói với Lê Văn T “xe kia có cầm sẵn chìa khóa kìa, tao với mày trộm cắp xe mô tô này đi”. Lê Văn T tiếp cận xe mô tô 60B6-165.xx, mở ổ khóa điện, nổ máy rồi điều khiển xe chạy về quận T2, thành phố Hồ Chí Minh gặp Phan Văn T3. Lê Văn T nói cho Phan Văn T3 biết xe mô tô 60B6-165.xx do Lê Văn T trộm cắp mà có nhờ tìm người tiêu thụ. Phan Văn T3 điện thoại cho Nguyễn Thanh L đến xem xe và bán cho Nguyễn Thanh L với số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền bán xe, Lê Văn T chia cho Phan Văn T3 200.000 đồng và Trần Hoàng P 1.000.000 đồng, số tiền còn lại Lê Văn T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Xuân Lộc kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Fi, màu đỏ đen bạc, biển số 60B6-165.xx có trị giá là 17.500.000 đồng.

Vụ thứ 3: Vào khoảng 20 giờ ngày 18 tháng 5 năm 2016, Lê Văn T đi bộ trên đường liên xã X1 – T3 thì ghé vào cửa hàng tạp hóa của ông Nguyễn Quang V tại ấp T4, xã X1, huyện X, tỉnh Đồng Nai để mua thuốc lá. Khi vào, nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh đen bạc, biển số 60LD-408.xx của ông Nguyễn Quang V đang dựng trước cửa hàng, trên xe có cầm sẵn chìa khóa, Lê Văn T liền tiếp cận xe mô tô 60LD-408.xx mở khóa điện, nổ máy

điều khiển xe chạy theo hướng đi đường tỉnh lộ 766. Trên đường tìm nơi tiêu thụ, Lê Văn T gặp Nguyễn Tấn H1 đang đứng trước nhà thờ T4, thuộc ấp T4, xã X1, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên dừng xe nói chuyện. Nguyễn Tấn H1 nhận ra xe mô tô 60LD-408.xx Lê Văn T đang điều khiển là xe mô tô của ông Nguyễn Quang V nên hỏi: “Sao trộm cắp xe mô tô của ông V?”. Lê Văn T thừa nhận và rủ Nguyễn Tấn H1 cùng đi đến thành phố Hồ Chí Minh bán xe. Lê Văn T điều khiển xe 60LD-48.xx chở Nguyễn Tấn H1 đến quận T2, thành phố Hồ Chí Minh gặp Phan Văn T3 nhờ liên lạc với Nguyễn Thanh L để bán xe và bán xe cho Nguyễn Thanh L với số tiền 7.500.000 đồng. Số tiền bán được, Lê Văn T chia cho Nguyễn Tấn H1 và Phan Văn T3 mỗi người 500.000 đồng, số tiền còn lại Lê Văn T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Xuân Lộc kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda-Wave Alpha, màu xanh-đen-bạc, biển số 60LD-408.xx có trị giá là 7.500.000 đồng.

Vụ thứ 4: Vào khoảng 02 giờ ngày 30 tháng 7 năm 2016, Lê Văn T đi bộ trên đường tỉnh lộ 766 từ thị trấn G đến xã X1 để tìm nhà dân nào sở hữu thì trộm cắp tài sản. Khi đi đến phía trước Ủy ban nhân dân xã X2, Lê Văn T nhìn thấy cổng mở và không có bảo vệ trông coi nên đã vào trong để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến trước phòng ngủ của anh Đinh Phi L1, là Công an viên xã X2, Lê Văn T nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Fx, màu đỏ đen, biển số 60F1-920.xx của anh Đinh Phi L1 đang dựng ngoài phòng ngủ và cửa phòng ngủ lúc này đang mở. Quan sát thấy anh Đinh Phi L1 đã ngủ say, Lê Văn T vào phòng ngủ trộm cắp của anh Đinh Phi L1 01 bóp da màu đen bên trong có số tiền 12.000.000 đồng, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 60F1-920.xx, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 5 màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1520 màu đen và lấy chìa khóa xe mô tô đang để trên đầu giường ngủ. Sau đó, Lê Văn T mở ổ khóa điện, dẫn xe mô tô 60F1-920.xx ra ngoài cổng, nổ máy điều khiển xe chạy về thị xã L bán điện thoại di động hiệu Apple Iphone 5 màu đen và Nokia 1520 màu đen cho một cửa hàng mua bán điện thoại di động được số tiền 2.500.000 đồng. Lê Văn T tiếp tục điều khiển xe mô tô 60F1-920.xx đến thành phố Hồ Chí Minh bán xe cho một cửa hàng mua bán xe được số tiền 5.000.000 đồng, số tiền này Lê Văn T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Xuân Lộc kết luận: trị giá xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Fx, màu đỏ đen, biển số 60F1-920.xx trị giá 3.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 5, màu đen trị giá 1.200.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1520 trị giá 1.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 17.700.000 đồng.

Vụ thứ 5: Vào khoảng 21 giờ ngày 16 tháng 9 năm 2016, Lê Văn T đi bộ trên đường liên xã X1 – T3 để vào nhà bạn là Đàm Công T1 chơi. Khi đi ngang nhà ông Phạm Văn T4 tại ấp T4, xã X1, huyện X, thấy nhà ông Phạm Văn T4 đang mở cửa và không có người trông coi, Lê Văn T đã vào trong phòng khách trộm cắp 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 3 màu đen. Sau khi trộm cắp được tài sản, Lê Văn T đón xe khách đến thành phố Hồ Chí Minh bán máy tính xách tay và điện thoại cho một cửa hàng mua bán điện thoại được số tiền 2.000.000 đồng, số tiền này Lê Văn T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Xuân Lộc kết luận: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus màu đen trị giá là 3.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 3 màu đen trị giá là 100.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 3.100.000 đồng.

Vụ thứ 6: Vào khoảng 16 giờ ngày 08 tháng 10 năm 2016, Đàm Công T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S biển số 60B5-389.xx đến nhà Lê Văn T chơi. Tại đây, Lê Văn T rủ Đàm Công T1 đi đến địa bàn huyện X trộm cắp xe mô tô. Khi đi, Lê Văn T cầm theo 01 đoàn sắt tự chế hình chữ L dùng để phá khóa điện xe mô tô. Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày, Lê Văn T điều khiển xe chở Đàm Công T1 đi đến ấp T5, xã X1, huyện X, tỉnh Đồng Nai thì nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Supersiva biển số 63FH-xxxx của anh Nguyễn Hoàng C1 đang dựng bên lề đường. Quan sát thấy không có người trông coi, Lê Văn T dùng xe đưa đoàn sắt tự chế và nói Đàm Công T1 đến phá ổ khóa trộm cắp xe. Đàm Công T1 dùng đoàn sắt tự chế phá ổ khóa điện rồi điều khiển xe mô tô cùng T về nhà T1 cất xe mô tô biển số 60B5-389.xx, sau đó cả hai điều khiển xe mô tô biển số 63FH-xxxx đến quận T2, thành phố Hồ Chí Minh gặp Phan Văn T3, nhờ liên lạc với Nguyễn Thanh L để bán xe được số tiền 2.000.000 đồng. Số tiền bán xe, Lê Văn T chia cho Đàm Công T1 600.000 đồng

và Phan Văn T3 200.000 đồng, số tiền còn lại Lê Văn T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Xuân Lộc kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Supersiva biển số 63FH-xxxx trị giá là 2.500.000 đồng.

Vụ thứ 7: Vào khoảng 23 giờ sáng ngày 15 tháng 11 năm 2016, Lê Văn T và Nguyễn Tấn H1 đang ngồi chơi trước nhà Nguyễn Tấn H1 tại ấp T4, xã X1, huyện X, tỉnh Đồng Nai thì nhìn thấy các anh Đoàn B, Đoàn Q, Lê Ngọc M điều khiển xe mô tô chạy ngang qua. Lê Văn T biết các anh Đoàn B, Đoàn Q, Lê Ngọc M sẽ đi xuống cầu S gần nhà Nguyễn Tấn H1 để bắt cá nên rủ Nguyễn Tấn H1 cùng trộm cắp xe mô tô. Vào khoảng 01 giờ ngày 16 tháng 11 năm 2016, Lê Văn T cầm theo 02 đoạn sắt tự chế hình chữ L dùng để phá ổ khóa điện xe mô tô rồi đi đến cầu S thì nhìn thấy 03 xe mô tô trên đang dừng dưới cầu và không có người trông coi, Lê Văn T sử dụng đoạn sắt phá khóa điện xe mô tô biển số 60B5-045.xx của anh Lê Ngọc M nhưng không được nên Lê Văn T tiếp tục dùng đoạn sắt phá khóa điện xe mô tô biển số 60V4-xxxx của anh Đoàn B và xe mô tô biển số 60R3-xxxx của anh Đoàn Q. Sau khi phá được khóa điện, Lê Văn T điều khiển xe mô tô biển số 60R3-xxxx còn H1 điều khiển xe mô tô biển số 60V4-xxxx chạy đến quận T2, thành phố Hồ Chí Minh, nhờ Phan Văn T3 liên lạc và bán xe cho Nguyễn Thanh L được số tiền 8.000.000 đồng. Số tiền bán xe, Lê Văn T chia cho Phan Văn T3 500.000 đồng và chia cho Nguyễn Tấn H1 3.250.000 đồng, số tiền còn lại Lê Văn T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Xuân Lộc kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS biển số 60V4-xxxx trị giá là 7.000.000 đồng; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS biển số 60R3-xxxx trị giá là 10.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 17.500.000 đồng.

Vụ thứ 8: Vào khoảng 19 giờ ngày 24 ngày 02 năm 2017, Võ Đức D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Jiulong biển số 60M9-xxxx đến nhà Lê Văn T chơi. Tại đây, Lê Văn T rủ Võ Đức D đi đến địa bàn huyện X trộm cắp tài sản. Khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày, Võ Đức D điều khiển xe chở Lê Văn T đến ấp V, xã X3, huyện X thì nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 60B5-579.xx của chị Lê Thị Tường V1 đang dừng trước nhà. Quan sát thấy không có người trông coi, Võ Đức D dừng xe cạnh giới, còn Lê Văn T tiếp cận dùng 01 đoạn sắt tự chế phá khóa điện xe mô tô biển số 60B5-579.xx. Sau khi

phá được khóa điện, Võ Đức D và Lê Văn T chạy đến quận T2, thành phố Hồ Chí Minh nhờ Phan Văn T3 cầm xe được số tiền 9.000.000 đồng. Số tiền cầm xe, Lê Văn T chia cho Phan Văn T3 500.000 đồng và chia cho D 4.000.000 đồng, số tiền còn lại Lê Văn T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Xuân Lộc kết luận: xe mô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 60B5-579.xx trị giá là 23.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S biển số 60B5-389.xx và 01 xe mô nhãn hiệu JiuLong biển số 60M9-xxxx.

Tại bản án sơ thẩm số 123/2018/HS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 69 và Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt Lê Văn T 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt Trần Hoàng P 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bắt tạm giam bị cáo Trần Hoàng P ngay tại phiên tòa để đảm bảo công tác thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt của các bị cáo khác, án phí, biện pháp tư pháp và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/11/2018, bị cáo Trần Hoàng P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 08/11/2018, bị cáo Lê Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Hành vi của Lê Văn T và Trần Hoàng P đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ xét xử các bị cáo Lê Văn T với mức án 05 năm tù, bị cáo Trần Hoàng P với mức án 10 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T xin rút kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đình chỉ việc xét xử phúc thẩm. Đối với bị cáo Trần Hoàng P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn T và Trần Hoàng P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Hồ sơ thể hiện: Trong khoảng thời gian từ ngày 22 tháng 7 năm 2015 đến ngày 24 tháng 02 năm 2017, các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Tấn H1, Võ Đức D, Trần Hoàng P và Đàm Công T1 thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản bị xâm hại là 97.800.000 đồng. Trong đó, bị cáo Lê Văn T một mình thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản của anh Mè Văn T2, ông Nguyễn Quang V, anh Đinh Phi L1 và ông Phạm Văn T4 trị giá 37.300.000 đồng; cùng bị cáo Đàm Công T1 thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Hoàng C1 trị giá 2.500.000 đồng; cùng bị cáo Nguyễn Tấn H1 thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản của anh Đoàn B và anh Đoàn Q trị giá 17.500.000 đồng; cùng bị cáo Võ Đức D thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản của chị Lê Thị Tường V1 trị giá 23.000.000 đồng; cùng bị cáo Trần Hoàng P thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị T2 trị giá 17.500.000đ. Bị cáo Nguyễn Tấn H1 tham gia tiêu thụ tài sản là xe mô tô trị giá 7.500.000 đồng do bị cáo Lê Văn T trộm cắp của ông Nguyễn Quang V.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm và xét xử bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; xét xử bị cáo Trần Hoàng P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm về quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo Lê Văn T mặc dù đã có một tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Bản thân bị cáo đã tự mình 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp và 04 lần cùng với các đồng phạm khác thực hiện hành vi trộm cắp nên tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Trong vụ án, T là người chủ mưu, tích cực thực hiện hành vi. Bị cáo là người có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử lý hình sự về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đối với bị cáo Trần Hoàng P là người đã thành niên, trong độ tuổi lao động nhưng để có tiền tiêu xài đã thực hiện hành vi

trộm cắp tài sản của người khác. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Lê Văn T thực hiện 02 vụ trộm cắp khi chưa đủ tuổi thành niên; bị cáo Trần Hoàng P phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo P có con nhỏ. Do đó, xử phạt bị cáo T mức án 05 năm tù, bị cáo P mức án 10 tháng tù là phù hợp và thỏa đáng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T xin rút kháng cáo; bị cáo Trần Hoàng P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác chưa được xem xét. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo P không cung cấp được tình tiết nào mới. Do đó đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Văn T; không có căn cứ chấp nhận với kháng cáo của bị cáo Trần Hoàng P.

[3] Về án phí:

Kháng cáo của bị cáo Trần Hoàng P không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 348; điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Văn T; quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 123/2018/HS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đối với bị cáo Lê Văn T có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 23 tháng 01 năm 2019.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hoàng P; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng P 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2018.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Bị cáo Trần Hoàng P phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc;
- Công an huyện Xuân Lộc;
- Bị cáo;
- Lưu (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thành Sơn